



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 34

Ngày 09 tháng 5 năm 2024

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

06-5-2024	Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	2
07-5-2024	Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND bãi bỏ một phần của Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk.	19
09-5-2024	Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.	21

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 2 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 433/TTr-SNV ngày 15 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2024.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đoàn thể, các tổ chức hội và doanh nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 06/5/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này cụ thể hóa một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau: khoản 4, khoản 6 Điều 24 về tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cá nhân trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và công nhân, nông dân, người lao động; khoản 3 Điều 26 về đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; khoản 3 Điều 27 về đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; khoản 3 Điều 28 về đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; khoản 6 Điều 74 về tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình; khoản 2 Điều 75 về tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình; khoản 6 Điều 84 về số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; hồ sơ đề nghị khen thưởng.

2. Các nội dung có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng không được quy định tại văn bản này thì thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tập thể, cá nhân, hộ gia đình trong và ngoài tỉnh.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh được khen thưởng theo Quy định này.

Chương II HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 3. Hình thức tổ chức thi đua

Hình thức tổ chức thi đua gồm: Thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề.

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân thông qua tổ chức phát động phong trào thi đua, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và tiêu chí, thời gian, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Thi đua theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, đơn vị, địa phương. Cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ phát động phong trào thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và tiêu chí, thời gian, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng) để theo dõi.

Điều 4. Trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng và một số nội dung sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ tịch Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện và phát động phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh; đánh giá, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua, thực hiện chính sách khen thưởng;

tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động các phong trào thi đua, chỉ đạo phong trào thi đua và khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đoàn thể, các tổ chức hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện); các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp thuộc tỉnh, hợp tác xã, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cổ phần hóa; thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp chủ trì tổ chức phát động phong trào thi đua; tổ chức tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phạm vi quản lý của mình để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đoàn thể và các tổ chức Hội cấp tỉnh; các tổ chức kinh tế tỉnh; Phòng Nội vụ cấp huyện; công chức Văn phòng Thống kê cấp xã: có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo và Hội đồng thi đua - khen thưởng cơ quan, địa phương, đơn vị tổ chức các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi quản lý.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tổ chức, phối hợp với cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh. Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng, kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

5. Trách nhiệm của cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện phong

trào thi đua, công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đoàn thể, các tổ chức hội cấp tỉnh; các cơ quan báo chí để tuyên truyền, phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến.

6. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến; khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 5. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 24 Luật thi đua khen thưởng.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với công nhân:

- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

- Được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm.

- Chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất; có ý thức tổ chức kỷ luật; trong sản xuất có sáng tạo hoặc áp dụng cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

- Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do đơn vị phát động.

b) Đối với nông dân, người lao động:

- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng; chấp hành tốt các hương ước, quy ước nơi cư trú.

- Áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong lao động, sản xuất; có cách làm hay, sáng tạo mang lại hiệu quả cao trong lao động, sản xuất.

- Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do địa phương, tổ chức đoàn thể nơi cư trú phát động.

3. Không bình xét Danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các trường hợp sau đây:

a) Có thời gian tuyển dụng hoặc đang làm hợp đồng lao động dưới 06 tháng.

b) Nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng đến dưới 06 tháng (trừ trường hợp nghỉ chế độ thai sản theo quy định).

c) Cá nhân đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Điều 6. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Tặng hàng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua cụm, khối do tỉnh tổ chức, các phòng chuyên môn thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia cụm, khối của tỉnh và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm, là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong các phong trào thi đua trong tỉnh; có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong tỉnh học tập.

b) Tập thể được đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”: nếu có tổ chức Đảng thì kết quả phân loại tổ chức Đảng trong năm đề nghị khen thưởng phải được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; nếu có các tổ chức đoàn thể thì phải được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” hoặc tương đương trở lên; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

c) Cơ quan, đơn vị, địa phương đã đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” về thành tích tham gia hoạt động cụm, khối thi đua trong năm thì không đề nghị tặng Cờ thi đua cho đơn vị cấp phòng và tương đương.

2. Tặng cho tập thể đã đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định chung; không tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” đối với tập thể không được tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” do có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tập thể dẫn tới không đảm bảo tiêu chuẩn khen thưởng.

3. Tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 3 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

4. Việc công nhận tập thể tiêu biểu xuất sắc để xét, đề nghị danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc khi tổng kết phong trào thi đua chuyên đề.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Đối với cấp tỉnh: Phòng, ban, trung tâm, chi cục và đơn vị tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

b) Đối với cấp huyện: Các phòng, ban và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương.

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác, các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng và tương đương.

Điều 8. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” như khoản 2, Điều 7 quy định này.

Chương III HÌNH THỨC VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân, tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc được bình xét hàng năm trong thực hiện giao ước thi đua Cụm, Khối do tỉnh tổ chức.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề có đối tượng, phạm vi ảnh hưởng lớn trong toàn tỉnh.

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức sơ kết, tổng kết các chuyên đề thi đua (từ 3 đến 5 năm), chủ trì, phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, đối tượng, số lượng khen thưởng (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Khen thưởng trong các dịp sơ kết, tổng kết các Chương trình mục tiêu quốc gia, Luật, Nghị định, Chỉ thị, Nghị quyết... của Đảng, Nhà nước: Phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đồng ý khen thưởng tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các nội dung liên quan. Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì các nội dung sơ kết, tổng kết chủ động tham mưu Kế hoạch, phối hợp cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để thống nhất hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, đối tượng, số lượng và kinh phí khen thưởng.

c) Không khen thưởng sơ kết, tổng kết trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hàng năm theo Kế hoạch được giao.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan

a) Các tập thể, cá nhân tham gia trực tiếp, đạt các giải thưởng theo quy chế, thể lệ của hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan (*do cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản đề nghị tham gia*):

- Đạt giải khuyến khích trở lên trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan quốc tế.

- Đạt giải nhất, nhì, ba hoặc huy chương Vàng, bạc, đồng trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan cấp quốc gia.

- Đạt giải nhất, nhì hoặc huy chương Vàng, bạc trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan cấp khu vực.

- Đạt giải nhất trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan cấp tỉnh.

b) Các cá nhân là huấn luyện viên, giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi mà tập thể, cá nhân đạt giải theo điểm a, khoản 4 điều này thì được khen thưởng.

c) Không khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt giải thưởng theo quy chế, thể lệ của hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan mà không do cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản đề nghị tham gia: các câu lạc bộ, đội, nhóm được thành lập theo hình thức xã hội hóa.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích cứu người, bảo vệ tài sản Nhân dân và Nhà nước, gương người tốt việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh; mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, đổi mới, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan cấp tỉnh ghi nhận và đề nghị khen thưởng.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho Doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp cho hoạt động xã hội từ thiện, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Đối với Doanh nghiệp: có số tiền đóng góp từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Đối với Chủ doanh nghiệp: có số tiền đóng góp từ 300 triệu đồng trở lên.

Số tiền đóng góp của doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp được tính riêng, không lấy số tiền đóng góp của doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp để xét đề nghị khen thưởng cùng một lần cho cả doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp.

7. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gia đình không có thành viên vi phạm pháp luật, hành nghề mê tín dị đoan, cờ bạc và các tệ nạn xã hội; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội được quy đổi có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

8. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được tặng trong các trường hợp đặc biệt:

a) Tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương, các địa phương ngoài tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, đơn vị kinh tế do Trung ương thành lập và quản lý, có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

b) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong nhiệm kỳ nhân dịp đại hội nhiệm kỳ mới của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, của tỉnh khi tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn (là năm có chữ số cuối cùng là “0”) của các Sở, ban, ngành, Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đoàn thể, các tổ chức hội cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi đề nghị khen thưởng nhân tổ chức kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống phải có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh truy tặng cho cá nhân đã từ trần mà trước đó đã có thành tích xuất sắc đột xuất và các trường hợp khác không quy định tại Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Giấy khen

1. Giấy khen của Giám đốc sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương đề tặng cho cá nhân, tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn và không có nhiệm vụ quá hạn, trễ hạn hàng năm hoặc có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do sở, ban, ngành và tương đương phát động.

- Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đối với tập thể

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn và không có nhiệm vụ quá hạn, trễ hạn hàng năm hoặc có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do sở, ban, ngành và tương đương phát động hoặc có thành tích xuất sắc, được bình xét trong thực hiện giao ước cụm, khối thi đua do cơ quan, đơn vị phát động.

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong cơ quan, đơn vị; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

c) Cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc đạt giải trong các hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan cấp khu vực, cấp tỉnh (trừ các đối tượng đã được quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 9 Quy định này) hoặc có thành tích xuất sắc đạt giải trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan do sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương tổ chức.

2. Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc Doanh nghiệp, hợp tác xã được tặng cho cá nhân, tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu đi đầu trong việc chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Tích cực lao động, sản xuất có hiệu quả và có mô hình, sáng kiến được áp dụng trong lao động, sản xuất và hỗ trợ giúp đỡ người khác trong lao động, sản xuất và trong sinh hoạt tại khu dân cư sinh sống.

3. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho cá nhân, tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn hàng năm hoặc có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do cấp huyện phát động, có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Cá nhân, tập thể đạt giải Nhì, Ba hoặc huy chương bạc, huy chương đồng trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan cấp tỉnh và cá nhân là huấn luyện viên, giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi đạt giải nhì, ba hoặc huy chương bạc, đồng trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan cấp tỉnh trở lên hoặc có thành tích xuất sắc đạt giải trong hội thi, hội thao, hội diễn, liên hoan do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức.

c) Có thành tích cứu người, bảo vệ tài sản Nhân dân và Nhà nước, gương người tốt việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố; mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, đổi mới, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện ghi nhận, đề nghị khen thưởng.

d) Doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp cho hoạt động xã hội từ thiện, an sinh xã hội trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, cụ thể như sau:

- Đối với Doanh nghiệp: có số tiền đóng góp từ 300 triệu đồng trở lên

- Đối với Chủ doanh nghiệp: có số tiền đóng góp từ 150 triệu đồng trở lên.

Số tiền đóng góp của doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp được tính riêng, không lấy số tiền đóng góp của doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp để xét đề nghị khen thưởng cùng một lần cho cả doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp.

e) Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gia đình không có thành viên vi phạm pháp luật, hành nghề mê tín dị đoan, cờ bạc và các tệ nạn xã hội; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội được quy đổi có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho cá nhân, tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn hàng năm hoặc có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do cấp xã phát động, có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Có thành tích cứu người, bảo vệ tài sản Nhân dân và Nhà nước, gương người tốt việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cấp xã; mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, đổi mới, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân cấp xã ghi nhận.

c) Doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp cho hoạt động xã hội từ thiện, an sinh xã hội trên địa bàn các xã, cụ thể như sau:

- Đối với Doanh nghiệp: có số tiền đóng góp từ 150 triệu đồng trở lên.

- Đối với Chủ doanh nghiệp: có số tiền đóng góp từ 100 triệu đồng trở lên.

Số tiền đóng góp của doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp được tính riêng, không lấy số tiền đóng góp của doanh nghiệp hoặc chủ doanh nghiệp để xét đề nghị khen thưởng cùng một lần cho cả doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp.

d) Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gia đình không có thành viên vi phạm pháp luật, hành nghề mê tín dị đoan, cờ bạc và các tệ nạn xã hội; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội được quy đổi có giá trị từ 50 đến dưới 100 triệu đồng.

Chương IV

THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT TẶNG ĐỐI VỚI CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 11. Hiệp y khen thưởng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh khi có văn bản đề nghị hiệp y thành tích đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước

khen thưởng: Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp ý theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối với các đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở tại các huyện, thị xã, thành phố khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen phải có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực đang hoạt động.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định và ký các văn bản xác nhận thành tích đề nghị khen thưởng do các cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng theo thành tích công trạng, chuyên đề thuộc thẩm quyền quyết định của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 12. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Tờ trình đề nghị xét danh hiệu thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Báo cáo thành tích của tập thể (thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).

d) Văn bản đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể có thành tích trong hoạt động cụm, khối thi đua thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức và hoạt động cụm, khối thi đua của tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

a) Tờ trình đề nghị xét danh hiệu thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Báo cáo thành tích của cá nhân (thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).

d) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

đ) Quyết định công nhận Danh hiệu thi đua theo tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

a) Đối với khen thưởng thành tích công trạng:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).

- Văn bản đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền hoặc Quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

- Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp đề nghị khen thưởng cho đơn vị hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị.

b) Đối với khen thưởng theo chuyên đề:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).

- Hướng dẫn xét khen thưởng chuyên đề, phong trào thi đua do của Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc văn bản đồng ý khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp đề nghị khen thưởng cho đơn vị hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị.

c) Đối với khen thưởng đối ngoại:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).
- Văn bản đồng ý khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Đối với khen thưởng thành tích xuất sắc, đột xuất:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

5. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- b) Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.
- c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).
- d) Văn bản đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền và Quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.
- đ) Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp đề nghị khen thưởng cho đơn vị hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị.

e) Văn bản đồng ý đề nghị khen thưởng của Thường trực huyện ủy, thị ủy, thành ủy.

6. Hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- b) Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.
- c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).

d) Văn bản đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền và Quyết định công nhận danh hiệu thi đua (*theo tiêu chuẩn của từng hình thức khen thưởng*).

đ) Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp đề nghị khen thưởng cho đơn vị hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị.

e) Văn bản đồng ý đề nghị khen thưởng của Thường trực huyện ủy, thị ủy, thành ủy.

Điều 13. Số lượng hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh: Các cơ quan, đơn vị, địa phương nộp 01 bộ (bản pdf) qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk hoặc Cổng dịch vụ công (<https://dichvucong.dacklak.gov.vn>).

b) Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng: Các cơ quan, đơn vị, địa phương nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện về Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk (số 10 Lý Thái Tổ, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột) gồm 04 bộ (bản chính).

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG

Điều 14. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

Việc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 51, 52 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

1. Đối với cấp tỉnh giao cho Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) quản lý, sử dụng và hàng năm phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thi đua khen thưởng thường xuyên và đột xuất phù hợp với tình hình ngân sách chung của tỉnh.

Đối với cấp huyện giao cho Phòng Nội vụ cấp huyện có trách nhiệm quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của cấp mình theo đúng quy định.

2. Ngoài ra quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi cho một số nội dung phục vụ công tác thi đua, khen thưởng như: công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình, mô hình, gương người tốt, việc tốt; giao lưu điển hình tiên tiến; hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua, công tác thi đua, khen thưởng hàng năm; Hội đồng Sáng kiến khi thẩm định hồ sơ khen thưởng, đánh giá mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học; công tác kiểm tra, chỉ đạo, giám sát triển khai các phong trào thi đua và công tác

khen thưởng và các nhiệm vụ khác phục vụ công tác thi đua, khen thưởng theo chủ trương và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo các cấp, các ngành.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP; các quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng và Quy định này, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tổ chức triển khai đến công chức, viên chức, nhân dân, người lao động tại cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp do mình quản lý.

3. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đoàn thể, các tổ chức hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức kinh tế và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để được hướng dẫn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 18/2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ một phần của Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 14/TTr-KCN ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ một phần khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

1. Bãi bỏ một số nội dung tại điểm d khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND như sau: “Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp” và “tiếp nhận báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài”.

2. Bãi bỏ nội dung tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND như sau: “Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được”.

Điều 2. Giao Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện. Các nội dung khác không được quy định tại Quyết định này, tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 và Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 19/2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 30/12/2008 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 56/TTr-SYT ngày 05/4/2024; Đề án số 05/ĐA-SYT ngày 04/4/2024 về việc sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (sau đây gọi chung là Chi cục) là tổ chức trực thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản

riêng tại kho bạc nhà nước; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Y tế, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Cục An toàn thực phẩm trực thuộc Bộ Y tế.

2. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thực hiện chức năng tham mưu giúp giúp Giám đốc Sở Y tế tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu giúp Giám đốc Sở Y tế trình cấp có thẩm quyền ban hành các quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch năm năm và quy chế phối hợp liên ngành trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Trình Giám đốc Sở Y tế ban hành kế hoạch hằng năm, chương trình, đề án, dự án về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình mục tiêu, chương trình hành động, đề án, dự án đã được phê duyệt về vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống theo phân cấp quản lý; triển khai công tác phòng ngừa, khắc phục ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với các đơn vị liên quan ở địa phương hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuỗi cung cấp thực phẩm từ sản xuất đến tiêu dùng.

6. Giúp Giám đốc Sở Y tế trong việc cấp, đình chỉ và thu hồi các giấy chứng nhận liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Y tế.

7. Thực hiện kiểm tra chuyên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

8. Tổ chức công tác thông tin, phổ biến kiến thức và pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

9. Chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn cho các tuyến; tập huấn

kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm cho người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

10. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

11. Quản lý tổ chức, biên chế, tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật và phân cấp của Sở Y tế.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Y tế giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Chi cục, gồm: Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng.

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục.

b) Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, điều động, luân chuyển, thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Các phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.

b) Phòng Nghiệp vụ.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục do Chi cục trưởng phân công, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Số lượng cấp phó của các phòng chức năng, chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng theo quy định của pháp luật và theo

phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, của Sở Y tế.

3. Số lượng biên chế công chức của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm nằm trong tổng số biên chế công chức của Sở Y tế được UBND tỉnh giao hàng năm trên cơ sở vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này và Đề án số 05/ĐA-SYT ngày 04/4/2024 theo đúng quy định.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/5/2024.

Bãi bỏ Quyết định số 1757/QĐ-SYT ngày 16/10/2017 của Sở Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Đắk Lắk.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tư pháp; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng